

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ làm việc đối với giáo viên là hiệu trưởng, giám đốc (sau đây gọi chung là hiệu trưởng); giáo viên là phó hiệu trưởng, phó giám đốc (sau đây gọi chung là phó hiệu trưởng); giáo viên giảng dạy tại cơ sở giáo dục phổ thông, trường dự bị đại học, bao gồm: thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm; định mức tiết dạy; chế độ giảm định mức tiết dạy và quy đổi các hoạt động khác ra tiết dạy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, Trường Hữu nghị 80, Trường Hữu nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (sau đây gọi chung là trường phổ thông) và trường dự bị đại học.

2. Trường phổ thông tự thực căn cứ quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường, nghị quyết của Hội đồng trường quy định chế độ làm việc đối với giáo

viên bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về lao động.

3. Các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng quy định tại Thông tư này để quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Thông tư này không áp dụng đối với giáo viên trong cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thời gian làm việc* là thời gian thực hiện hoạt động nghề nghiệp của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên không bao gồm thời gian nghỉ hằng năm quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. *Định mức tiết dạy trong 01 năm học* là tổng số tiết lý thuyết (hoặc thực hành) giảng dạy trực tiếp (hoặc dạy trực tuyến) trong 01 năm học của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên.

3. *Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần* là tổng số tiết lý thuyết (hoặc thực hành) giảng dạy trực tiếp (hoặc dạy trực tuyến) trong 01 tuần của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên.

4. *Giảm định mức tiết dạy* là việc giáo viên được giảm một số tiết dạy để thực hiện các nhiệm vụ theo vị trí việc làm được phân công kiêm nhiệm có tính chất ổn định, liên tục do cấp có thẩm quyền giao hoặc trong một số trường hợp cụ thể liên quan đến thời gian nuôi con nhỏ, khám, chữa bệnh theo quy định.

5. *Quy đổi hoạt động chuyên môn ra tiết dạy* là việc giáo viên khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn (khác với các nhiệm vụ đã được giảm định mức tiết dạy) thì được tính thành tiết dạy.

Điều 4. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc

1. Thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên được thực hiện theo năm học, bảo đảm 40 giờ/tuần. Trong thời gian làm việc 40 giờ/tuần, tổng thời gian giảng dạy trên lớp của giáo viên tối đa không quá 40% tổng số thời gian làm việc; tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị trước khi lên lớp và đánh giá đối với người học tối đa không quá 40% tổng số thời gian làm việc; tổng thời gian tham gia hoạt động chuyên môn, học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học (nếu có) và các hoạt động hành chính khác (nếu có) tối thiểu 20% tổng số thời gian làm việc.

2. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ phải bảo đảm phù hợp với vị trí việc làm, công khai, công bằng, minh bạch trong cơ sở giáo dục.

3. Việc bố trí giáo viên kiêm nhiệm trong cơ sở giáo dục phổ thông

a) Không bố trí giáo viên kiêm nhiệm các vị trí việc làm hỗ trợ. Trường hợp bắt buộc phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm các vị trí việc làm hỗ trợ thì cơ sở giáo dục phải báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp;

b) Ưu tiên phân công kiêm nhiệm đối với giáo viên dạy chưa đủ định mức tiết dạy và bảo đảm giáo viên đáp ứng yêu cầu năng lực của nhiệm vụ được phân công;

c) Mỗi giáo viên không kiêm nhiệm quá 02 nhiệm vụ quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này và các vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ (nếu có);

d) Đối với các nhiệm vụ đã được nhận tiền thù lao hoặc tiền phụ cấp thì không được giảm định mức tiết dạy hoặc quy đổi ra tiết dạy (trừ nhiệm vụ kiêm nhiệm tại khoản 3, khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư này);

đ) Căn cứ kế hoạch giáo dục, thực trạng đội ngũ và định mức tiết dạy trong 01 năm học, hiệu trưởng phân công giáo viên giảng dạy theo định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần. Trường hợp phải phân công giáo viên dạy vượt định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần (bao gồm cả tiết dạy quy đổi đối với các nhiệm vụ kiêm nhiệm) thì tổng số tiết dạy vượt trong 01 tuần không quá 50% định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần, tổng số tiết dạy vượt trong 01 năm học không quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật.

4. Việc xác định định mức tiết dạy đối với giáo viên dạy trường phổ thông có nhiều cấp học

a) Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học: Giáo viên được bố trí vào chức danh nhà giáo ở cấp học nào thì thực hiện định mức tiết dạy quy định đối với giáo viên ở cấp học đó;

b) Trường hợp giáo viên vừa được phân công giảng dạy ở cấp học theo chức danh được bố trí vừa được phân công giảng dạy ở cấp học khác thì mỗi tiết dạy ở cấp học khác được tính bằng 01 tiết định mức.

5. Việc xác định định mức tiết dạy đối với giáo viên Trường Hữu nghị 80, Trường Hữu nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc

a) Giáo viên (trừ giáo viên kiêm trưởng phòng, phó trưởng phòng chức năng) thực hiện theo quy định đối với trường phổ thông dân tộc nội trú;

b) Giáo viên kiêm trưởng phòng, phó trưởng phòng chức năng thực hiện theo quy định đối với trường dự bị đại học.

6. Trường hợp giáo viên dạy liên trường thì mỗi tiết dạy ở trường khác được tính bằng 01 tiết định mức.

7. Việc quy định số tiết định mức, số tiết quy đổi hoặc số tiết giảm đối với các nhiệm vụ chưa được quy định cụ thể tại Thông tư này và đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7, khoản 4 Điều 9, khoản 8 Điều 10, khoản 2, khoản 5, khoản 6, khoản 9 và khoản 10 Điều 13 của Thông tư này do hiệu trưởng quyết định bằng văn bản sau khi thống nhất tại cuộc họp tập thể giáo viên.

Việc quyết định phải căn cứ vào tính chất, mức độ phức tạp và khối lượng công việc của nhiệm vụ được giao kiêm nhiệm, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. Văn bản quy định phải được gửi cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp để báo cáo.

8. Đối với các nhiệm vụ thuộc vị trí việc làm mà giáo viên được bổ nhiệm nhưng chưa được quy định về việc quy đổi ra tiết dạy hoặc giảm định mức tiết dạy tại Thông tư này thì không thực hiện quy đổi hoặc giảm định mức tiết dạy đối với các nhiệm vụ đó, trừ các nhiệm vụ khác phát sinh do hiệu trưởng phân công theo quy định.

Chương II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, THỜI GIAN NGHỈ HẰNG NĂM VÀ ĐỊNH MỨC TIẾT DẠY

Điều 5. Thời gian làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên

1. Thời gian làm việc trong năm học của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên trường phổ thông là 42 tuần, trong đó:

a) Số tuần giảng dạy các nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông là 37 tuần (bao gồm 35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng);

b) Số tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ là 03 tuần;

c) Số tuần chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học là 02 tuần.

2. Thời gian làm việc trong năm học của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên trường dự bị đại học là 42 tuần, trong đó:

a) Số tuần giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch năm học là 28 tuần;

b) Số tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, xây dựng tài liệu, nghiên cứu khoa học và một số hoạt động khác theo kế hoạch năm học là 12 tuần.

Hiệu trưởng quyết định bằng văn bản số tuần hoặc số tiết mà hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên phải tham gia xây dựng tài liệu, nghiên cứu khoa học trong 01 năm học. Việc quy định trong trường hợp này phải được thông qua cuộc họp tập thể giáo viên;

c) Số tuần chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học là 02 tuần.

3. Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách phải điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học thì số tuần giảng dạy các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông thực hiện theo quy định điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Thời gian nghỉ hằng năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên

1. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên gồm:

a) Thời gian nghỉ hè theo quy định tại Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

Trong thời gian nghỉ hè, giáo viên có trách nhiệm tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; tham gia công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh khi cơ quan có thẩm quyền triệu tập;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường, hiệu trưởng bố trí thời gian nghỉ của giáo viên phù hợp, đúng quy định, bảo đảm khung thời gian năm học.

2. Trường hợp thời gian nghỉ hè và thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ có giai đoạn trùng nhau, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản đủ theo quy định;

b) Thời gian nghỉ hè ngoài thời gian nghỉ thai sản (trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản);

c) Thời gian nghỉ thêm trong trường hợp thời gian nghỉ hè quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa hiệu trưởng với giáo viên.

3. Trường hợp giáo viên nam được nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, trong thời gian nghỉ chế độ giáo viên nam được tính dạy đủ định mức tiết dạy theo quy định và không phải dạy bù. Trường hợp thời gian nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con của giáo viên nam trùng với thời gian nghỉ hè thì không được nghỉ bù.

4. Thời gian nghỉ hằng năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng gồm:

a) Thời gian nghỉ hè theo quy định của Chính phủ.

Thời gian nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bố trí linh hoạt, phù hợp trong năm học và trong thời gian nghỉ hè của giáo viên để bảo đảm các hoạt động của cơ sở giáo dục (bao gồm cả trường chính, phân hiệu, điểm trường) diễn ra bình thường và bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ công tác do cơ quan quản lý các cấp triệu tập (nếu có). Lịch nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải báo cáo cơ quan quản lý giáo dục quản lý trực tiếp;

b) Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Định mức tiết dạy đối với giáo viên phổ thông

1. Định mức tiết dạy trong 01 năm học được xác định như sau:

$$\text{Định mức tiết dạy trong 01 năm học} = \frac{\text{Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần}}{\text{Số tuần giảng dạy}}$$

Trong đó, số tuần giảng dạy là số tuần giảng dạy các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục (không bao gồm số tuần dự phòng).

2. Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần

- a) Giáo viên trường tiểu học là 24 tiết;
- b) Giáo viên trường trung học cơ sở là 20 tiết;
- c) Giáo viên trường trung học phổ thông là 19 tiết;
- d) Giáo viên trường dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập
 - Giáo viên được bổ nhiệm chức danh giáo viên tiểu học là 22 tiết;
 - Giáo viên được bổ nhiệm chức danh giáo viên trung học cơ sở là 18 tiết;
 - Giáo viên được bổ nhiệm chức danh giáo viên trung học phổ thông là 17 tiết;
- đ) Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh dạy từ 06 tiết đến 08 tiết.

Điều 8. Định mức tiết dạy đối với giáo viên dự bị đại học

1. Định mức tiết dạy trong 01 năm học được xác định như sau:

$$\text{Định mức tiết dạy trong 01 năm học} = \frac{\text{Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần}}{\text{Số tuần giảng dạy}}$$

Trong đó, số tuần giảng dạy là số tuần giảng dạy các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục (không bao gồm số tuần dự phòng).

2. Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần của giáo viên dự bị đại học là 14 tiết.

Điều 9. Định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

1. Định mức tiết dạy trong 01 năm học được xác định như sau:

$$\text{Định mức tiết dạy trong 01 năm học} = \frac{\text{Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần}}{\text{Số tuần giảng dạy}}$$

Trong đó, số tuần giảng dạy là số tuần giảng dạy các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục (không bao gồm số tuần dự phòng).

2. Định mức tiết dạy trung bình trong 01 tuần

- a) Hiệu trưởng là 02 tiết;
- b) Phó hiệu trưởng tại cơ sở giáo dục có phân hiệu là 03 tiết;
- c) Phó hiệu trưởng tại cơ sở giáo dục không có phân hiệu là 04 tiết.

3. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng không được quy đổi hoặc giảm định mức tiết dạy đối với các nhiệm vụ kiêm nhiệm để thay thế cho định mức tiết dạy quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thời gian hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trực tiếp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, báo cáo viên, dạy minh họa, chủ trì sinh hoạt chuyên môn, biên soạn tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, tài liệu giảng dạy được quy đổi ra tiết dạy để thay thế cho định mức tiết dạy quy định tại khoản 2 Điều này.

Việc quy đổi các hoạt động chuyên môn ra tiết dạy được thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Tổng số tiết được quy đổi ra tiết dạy để thay thế cho định mức tiết dạy không được vượt quá 50% định mức tiết dạy trong 01 năm học quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC TIẾT DẠY VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA TIẾT DẠY

Điều 10. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm các công việc chuyên môn

1. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở các trường phổ thông được giảm 04 tiết/tuần.
2. Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường dự bị đại học được giảm 03 tiết/tuần.
3. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù (nếu có) được giảm 03 tiết/tuần; tổ phó tổ chuyên môn, tổ phó tổ giáo dục đặc thù (nếu có) được giảm 01 tiết/tuần.
4. Giáo viên kiêm trưởng phòng chức năng trường dự bị đại học được giảm 06 tiết/tuần; giáo viên kiêm phó trưởng phòng chức năng trường dự bị đại học được giảm 05 tiết/tuần.
5. Trường hợp nhà trường không có viên chức thiết bị, thí nghiệm thì giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn (trừ phòng tin học) được giảm 03 tiết/môn/tuần; phụ trách phòng thiết bị giáo dục được giảm 03 tiết/tuần.
6. Trường hợp nhà trường không có viên chức công nghệ thông tin thì giáo viên kiêm phụ trách phòng tin học hoặc phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số hoặc quản trị các hệ thống số của nhà trường được giảm 03 tiết/tuần.
7. Giáo viên được phân công kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh: Mỗi trường phổ thông được sử dụng 08 tiết/tuần để làm công tác tư vấn học sinh.

Số tiết giảm của giáo viên được phân công kiêm nhiệm công tác tư vấn học sinh do hiệu trưởng quyết định bảo đảm nguyên tắc phù hợp với khối lượng công việc được giao kiêm nhiệm. Tổng số tiết giảm của tất cả giáo viên kiêm

nhiệm công tác tư vấn học sinh không quá tổng số tiết được sử dụng làm công tác tư vấn học sinh của trường.

8. Giáo viên kiêm nhiệm công tác hành chính tại các phòng chức năng trong trường dự bị đại học giảm trừ 03 tiết/tuần.

Điều 11. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường

1. Giáo viên kiêm nhiệm công tác công đoàn thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Giáo viên kiêm công tác bí thư đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên, cố vấn Đoàn, phó bí thư đoàn cấp trường được thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên được giao phụ trách hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được giảm 03 tiết/tuần.

Điều 12. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với các đối tượng khác

1. Giáo viên nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi giảng dạy ở trường tiểu học được giảm 04 tiết/tuần; giảng dạy ở các cơ sở giáo dục khác được giảm 03 tiết/tuần.

2. Giáo viên trong thời gian đi khám bệnh, chữa bệnh (không vượt quá thời gian quy định) được hiệu trưởng nhà trường đồng ý và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì không phải dạy bù đối với các tiết dạy được phân công theo kế hoạch và số tiết dạy này được tính vào định mức tiết dạy của giáo viên.

Điều 13. Quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra tiết dạy

1. Giáo viên dạy trong trường trung học phổ thông chuyên

a) Dạy các tiết thuộc Chương trình giáo dục phổ thông thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 01 tiết định mức;

b) Dạy các tiết thuộc Chương trình giáo dục nâng cao dành cho môn chuyên thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 03 tiết định mức.

2. Giáo viên tham gia dạy phụ đạo cho học sinh hoặc dạy thêm cho học sinh có kết quả học tập môn học cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt theo kế hoạch

giáo dục của nhà trường thì 01 tiết dạy được quy đổi tối đa không quá 1,5 tiết định mức.

3. Giáo viên được phân công dạy minh họa tại buổi sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 1,5 tiết định mức.

4. Giáo viên được phân công làm báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên do hiệu trưởng hoặc cấp có thẩm quyền tổ chức (bao gồm cả giáo viên cốt cán) thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 1,5 tiết định mức.

5. Giáo viên dạy các môn học không phải ngoại ngữ thì mỗi tiết dạy bằng tiếng nước ngoài (tỷ lệ từ 30% trở lên thời lượng dạy bằng tiếng nước ngoài) thì được quy đổi tối đa không quá 02 tiết định mức.

6. Giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội khỏe Phù đồng, bồi dưỡng học sinh tham gia Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh, hướng dẫn học sinh tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật, hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường thì 01 tiết dạy được quy đổi tối đa không quá 02 tiết định mức.

7. Giáo viên dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

a) Dạy trong thời gian nghỉ hè thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 1,5 tiết định mức;

b) Dạy trong thời gian khác ngoài quy định tại điểm a khoản này thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 01 tiết định mức.

8. Giáo viên làm báo cáo viên tại hoạt động ngoại khóa, dạy hoạt động trải nghiệm hoặc hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức cho học sinh theo quy mô khối lớp hoặc quy mô trường (có giáo án/kế hoạch dạy học hoặc đề cương báo cáo) thì 01 tiết dạy được quy đổi bằng 1,5 tiết định mức.

9. Giáo viên trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông nội trú thực hiện nhiệm vụ quản lý học sinh, phụ đạo, bồi dưỡng học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù của nhà trường được quy đổi ra tiết dạy. Số tiết dạy được quy đổi do hiệu trưởng quyết định bằng văn bản sau khi thống nhất tại cuộc họp tập thể giáo viên. Văn bản quy định phải được gửi cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp để báo cáo.

10. Giáo viên dạy tại lớp khuyết tật tại trường phổ thông (không phải trường dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập) thì 01 tiết dạy được quy đổi tối đa không quá 02 tiết định mức.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục

a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại Thông tư này;

b) Giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại Thông tư này

3. Hiệu trưởng trường phổ thông, trường dự bị đại học

a) Căn cứ quy định về chế độ làm việc tại Thông tư này, quy định chi tiết về chế độ làm việc đối với giáo viên, thực hiện việc phân công, bố trí nhiệm vụ của giáo viên bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, đúng quy định;

b) Trường hợp bảo đảm đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo viên làm việc tại cơ sở giáo dục thì hiệu trưởng có thể tổ chức cho giáo viên làm việc 40 giờ/tuần, 08 giờ/ngày tại cơ sở giáo dục; xây dựng quy chế làm việc cụ thể tại cơ sở giáo dục để quản lý thời gian làm việc 40 giờ/tuần của giáo viên bảo đảm hiệu quả, đúng quy định tại Thông tư này và pháp luật về lao động.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

3. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 7 Thông tư số 11/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non như sau:

“3. Đối với cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức cho trẻ em làm quen với tiếng Anh theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Định mức giờ dạy của giáo viên dạy tiếng Anh trung bình trong 01 tuần là 24 tiết. Trong đó, mỗi tiết dạy của giáo viên dùng để tổ một hoạt động cho trẻ em làm quen với tiếng Anh, thời gian mỗi tiết dạy từ 25 phút đến 35 phút.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Thông tư số 11/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non như sau:

“3. Thời gian hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trực tiếp tổ chức hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động ngoài trời và các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non, báo cáo viên, dạy minh họa, chủ trì sinh hoạt chuyên môn, biên soạn tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, tài liệu giảng dạy được quy đổi ra tiết dạy để thay thế cho định mức tiết dạy quy định tại khoản 2 Điều này. Việc quy đổi các hoạt động chuyên môn ra tiết dạy được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.”

4. Khoản 8 Điều 11 Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

6. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường phổ thông, trường dự bị đại học, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Như khoản 6 Điều 15;
- Công báo;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

Phạm Ngọc Thưởng